TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/08/2019
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Trần Thị Mộng Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân***:*

1. Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí
2. Bà Thiều Thị Phi Loan- cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B*:*** Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXX-ST ngày 09/07/2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số 174/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/07/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1991
Địa chỉ: 109/N7A, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
-Bị đơn: Ông Trương Hồng Nhật T**,** sinh năm 1992
Địa chỉ: 109/N7A, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Thu L trình bày**: bà và ông Trương Hồng Nhật T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2017 và được Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, ông T không chăm lo gia đình, cờ bạc không lo làm ăn, bà có khuyên ông nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường hay gây gỗ nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Lê Thiên T, sinh ngày 26/12/2016. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trường Hồng Nhật T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu L

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Lê Thiên T, sinh ngày 26/12/2016. Ly hôn đề nghị giao cháu T cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung+ nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thu L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trương Hồng Nhật T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu L và ông Trương Hồng Nhật T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điều 8,9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của bà L, ông T là hợp pháp. Nay bà L xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L: bà L xin ly hôn với ông T với lý do vợ chồng sống không hạnh phúc, tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, ông T không chăm lo gia đình, cờ bạc không lo làm ăn,

bà có khuyên ông nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường hay gây gỗ nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết ông T không có công việc ổn định, không lo làm ăn.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà liễu và ông Tiến là có thật và thực sự đã trầm trọng bởi lẽ vợ chồng có nghĩa vụ phải thương yêu nhau, chia sẻ công việc với nhau. Qua xác minh tại địa phương được biết lời trình bày của bà L là có thật, ông T không có công việc ổn định, không lo làm ăn. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử ông T đều vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình nên có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Lê Thiên T, sinh ngày 26/12/2016, hiện tại cháu đang sống với bà. Ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi con. Qua xác minh tại địa phương được biết ông Tkhông có công việc ổn định, Tòa án cũng đã triệu tập ông T nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ kiện nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Nên giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Bà Liễu không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung+ nợ chung: bà L không yêu cầu giải quyết. Do không lấy được lời khai ông T nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, khoản 2 điều 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu L. Bà Lê Thị Thu L được ly hôn với ông Trương Hồng Nhật T

2. Về con chung: có 01 cháu tên là Trương Lê Thiên T, sinh ngày 26/12/2016

Giao cháu Trương Lê Thiên T, sinh ngày 26/12/2016 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông T được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004124 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (2);
-VKSND TP.B(2);
-THA Dân sự (1);
-UBND Phường Q,
-Đương sự (2)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà